TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DSST
Ngày 24 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC-TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Đức;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Trường Tam;

Ông Phạm Minh Hiếu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023; về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ có ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990, địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Theo giấy ủy quyền ngày 29/7/2022.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hồng T1, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông T có mặt, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T đại diện cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ông T1 là con hụi, bà Đ là chủ hụi, ngày 30 tháng 9 năm 2018 âm lịch (nhằm ngày 07/11/2018 dương lịch) ông T1 có tham gia chơi hụi, dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, giao ngày 30/10/2018 âm lịch (nhằm ngày 06/12/2018 dương lịch), 17

phần – 01 phần. Ông T1 hốt hụi, gồm hụi chết 01 phần là 10.000.000 đồng, hụi sống 15 phần X 8.000.000 đồng phần = 120.000.000 đồng + 10.000.000 đồng đã hốt = 130.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 130.000.000 đồng nhưng ông T1 chỉ được nhận 125.000.000 đồng, do trừ 5.000.000 đồng tiền đầu thảo cho bà Đ. Trong quá trình đóng hụi ông T1 đã đóng được 04 lần là 40.000.000 đồng gồm: Ngày 30 tháng 11 năm 2018 âm lịch (nhằm 05/01/2019 dương lịch) là 10.000.000 đồng, ngày 30 tháng 12 năm 2018 âm lịch (nhằm 04/02/2019 dương lịch) là 10.000.000 đồng, ngày 30 tháng 01 năm 2019 âm lịch (nhằm 06/3/2019 dương lịch) là 10.000.000 đồng, ngày 30 tháng 02 năm 2019 âm lịch (nhằm 04/4/2019 dương lịch) là 10.000.000 đồng, khi mãn hụi thì ông T1 còn nợ tiền hụi là 110.000.000 đồng.

Dây hụi ngày 20 tháng 9 năm 2018 âm lịch (nhằm ngày 28/10/2018 dương lịch) đóng hụi, dây hụi 10.000.000 đồng/tháng giao ngày 30/11/2018 âm lịch (nhằm ngày 05/01/2019 dương lịch), chơi 17 phần – 02 phần. Ông T1 hốt hụi chết 02 phần là 20.000.000 đồng, hụi sống 14 phần X 8.000.000 đồng phần = 112.000.000 đồng + 20.000.000 đồng = 132.000.000 đồng, tổng số tiền là 132.000.000 đồng nhưng ông T1 chỉ được nhận 127.000.000 đồng, do trừ 5.000.000 đồng tiền đầu thảo cho bà Đ. Trong quá trình đóng hụi ông T1 đã đóng được 03 lần là 30.000.000 đồng gồm: Ngày 30 tháng 12 năm 2018 âm lịch (nhằm 04/02/2019 dương lịch) là 10.000.000 đồng, ngày 30 tháng 01 năm 2019 âm lịch (nhằm 06/3/2019 dương) là 10.000.000 đồng, ngày 30 tháng 02 năm 2019 âm lịch (nhằm 04/4/2019 dương lịch) là 10.000.000 đồng, khi mãn hụi ông T1 còn nợ tiền hụi là 110.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi mà ông T1 còn nợ của bà Đ là 220.000.000 đồng. Ngày 30 tháng 7 năm 2020 âm lịch (nhằm 17/9/2020 dương lịch) ông T1 trả được cho bà Đ 35.000.000 đồng.

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ nên bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu buộc ông Phạm Hồng T1 phải trả cho bà Đ số gốc là 185.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi, không yêu cầu vợ ông T1 liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn ông Phạm Hồng T1 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu: Đây là tranh chấp hụi giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ với bị đơn ông Phạm Hồng T1 vẫn còn thời hiệu được quy định tại Điều 184, 185 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Bị đơn ông T1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông T1 là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ bà Đ cung cấp thể hiện ông T1 có tham gia chơi hụi với bà Đ. Đối với dây hụi 10.000.000 đồng/tháng giao ngày 30/10/2018 âm lịch (nhằm ngày 06/12/2018 dương lịch), khi mãn hụi ông T1 còn nợ tiền hụi là 110.000.000 đồng. Đối với dây hụi 10.000.000 đồng/tháng giao ngày 30/11/2018 âm lịch (nhằm ngày 05/01/2019 dương lịch), khi mãn hụi ông T1 còn nợ tiền hụi 110.000.000 đồng.

[2.2] Tổng tiền hụi ông T1 còn nợ của bà Đ là 220.000.000 đồng. Ngày 30 tháng 7 năm 2020 âm lịch (nhằm 17/9/2020 dương lịch) ông T1 trả được cho bà Đ 35.000.000 đồng. Số tiền ông T1 còn nợ tiền hụi của bà Đ 220.000.000 đồng – 35.000.000 đồng = 185.000.000 đồng.

Do vậy, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Phạm Hồng T1 phải trả cho bà Đ số tiền 185.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T1 hợp lệ. Ông T1 biết nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện trả tiền hụi cho bà Đ. Tòa án cũng đã thông báo hợp lệ cho ông T1 tham gia phiên tòa hai lần nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn yêu cầu ông T1 phải trả cho bà Đ số tiền 185.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Hồng T1 phải trả cho bà Đ số tiền 185.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[2.4] Bà Đ chỉ yêu cầu ông T1 trả cho bà Đ tiền gốc, không yêu cầu xem xét đến việc tính lãi; bà Đ cũng không yêu cầu vợ ông T1 liên đới trả nợ cho bà Đ là phù hợp với khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã quy định: "*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*" nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.5] Về án phí: Ông Phạm Hồng T1 phải trả án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 185.000.000 đồng X 5% = 9.250.000 đồng mà ông T1 phải trả cho bà Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Phạm Hồng T1.

Buộc ông Phạm Hồng T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 185.000.000 (Một trăm tám mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phạm Hồng T1 phải chịu 9.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 4.625.000 đồng, mà bà Đ đã nộp tạm ứng án theo biên lai thu số 0011676 ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hánh án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHA huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tuấn Đức